

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUY ĐỨC
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **39/2024/HS-ST**
Ngày 26 - 7 - 2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY ĐỨC, TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nông Văn Nhu.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Đức Minh và ông Phạm Thiên Viết.

- Thư ký phiên tòa: Bà Cao Thị Mỹ Huyền là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Ứng – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 41/2024/TLST-HS ngày 03 tháng 7 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 36/2024/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 7 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Hoàng Xuân L, sinh năm 1997 tại tỉnh Gia Lai; nơi cư trú: Bon Đ, xã Q, huyện T, tỉnh Đắk Nông; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa: 8/12; quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; con ông Hoàng Xuân D1 (đã chết) và con bà Bùi Thị T; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không. Bị bắt tạm giữ từ ngày 13/3/2024 đến ngày 21/3/2024 được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú - Có mặt tại phiên tòa.

2. Cầm Ngọc Q, sinh năm 2005 tại tỉnh Bình Phước; nơi đăng ký thường trú: Thôn Đ, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa: 4/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Thái; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; con ông Cầm Ngọc C và con bà Hà Thị N; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không. Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/3/2024, hiện đang tạm giam - Có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Chị Đinh Thị H, sinh năm 1998;

Địa chỉ: Bon Đ, xã Q, huyện T, tỉnh Đắk Nông – Vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Bùi Thị T1, sinh năm 1966;

Địa chỉ: Bon Đ, xã Q, huyện T, tỉnh Đắk Nông – Vắng mặt.

- Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1954;

Địa chỉ: Thôn 17, xã E, huyện M, tỉnh Đắk Lắk – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 17 giờ ngày 10/03/2024, Điều D điều khiển xe mô tô biển số 48K1-191.91 chở Hoàng Xuân L đến nhà anh Nguyễn Văn T2 thuộc bon Đắk Huýt, xã Quảng Trục uống rượu. Đến khoảng 20 giờ cùng ngày, D và L đi về, D điều khiển xe mô tô chở L đi về hướng UBND xã Quảng Trục. Khi đi qua ngã tư Lộc Ninh (theo tiếng gọi dân địa phương), L nhìn thấy xe mô tô biển số 47G1-191.27 đang dừng bên lề đường, phía trước quá tập hóa của gia đình chị Nguyễn Thị N1 thuộc bon Đắk Huýt, xã Quảng Trục, huyện Tuy Đức không có người trông coi. L nảy sinh ý định trộm cắp xe mô tô biển số 47G1-191.27 nên rủ D thì D đồng ý. D điều khiển xe chở L đi qua vị trí chiếc xe khoảng 100 mét rồi dừng lại. Sau đó, L xuống xe đi bộ đến tiếp cận xe thì thấy trên xe có cắm sẵn chìa khóa nên L lấy xe nổ máy rồi điều khiển xe đi cùng D đi về hướng UBND xã Quảng Trục. Khi cả hai đi được khoảng 02 km thì bàn nhau mang chiếc xe vừa lấy trộm vào xã Đắk Ngo để tiêu thụ. Trên đường đi, D và L dừng xe tháo biển số của chiếc xe vừa trộm cắp được vứt vào trong bụi cây ven đường để tránh bị phát hiện.

Khoảng 23 giờ cùng ngày, D và L đến khu vực bờ đập bản Ninh Hòa, xã Đắk Ngo, huyện Tuy Đức gặp Cẩm Ngọc Q nói cho Q biết về việc mới trộm cắp được 01 xe mô tô và nhờ Q mang xe vừa trộm cắp được đi bán dùm và sẽ trả công cho Q với số tiền là 200.000 đồng thì Q đồng ý. Do đêm khuya không tìm được người mua xe nên L và D ngủ lại tại bờ đập bản Ninh Hòa cùng với Q.

Khoảng 07 giờ ngày 11/3/2024, Q điều khiển xe mô tô do L và D trộm cắp được đi tìm người tên Cu A (chưa xác định nhân thân, lai lịch) để bán xe, D cũng điều khiển xe mô tô của mình đi theo Q, còn L ở lại bờ đập bản Ninh Hòa để chờ. Sau khi gặp Cu A, Q nói bán xe thì Cu A không mua mà gọi cho bạn tên N2 (chưa xác định nhân thân, lai lịch) đến mua. Q và N2 thỏa thuận giá mua bán chiếc xe là 2.500.000 đồng. N2 đưa trước cho Q 2.000.000 đồng, còn lại 500.000 đồng hẹn chiều cùng ngày sẽ trả. Sau khi nhận tiền, D điều khiển mô tô biển số 48K1-191.91 chở Q về gặp L. Lúc này, Q đưa cho L 2.000.000 đồng, L đưa cho D 500.000 đồng và trả công cho Q 200.000 đồng. Chiều cùng ngày, Q đi gặp Cu A lấy số tiền 500.000 đồng đưa cho L và D tại bờ đập. Toàn bộ số tiền có được, L, Q đã tiêu xài cá nhân hết.

Sau khi mất xe chị Đinh Thị H đã trình báo Công an xã Quảng Trục. Quá trình xác minh, Công an Quảng Trục đã chuyển nguồn tin về tội phạm đến Cơ quan

Cảnh sát điều tra Công an huyện Tuy Đức. Trong quá trình điều tra Hoàng Xuân L và Chăm Ngọc Q đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình, còn Điều D đã bỏ trốn khỏi địa phương, hiện đang bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tuy Đức ra Quyết định truy nã.

Tại Kết luận định giá tài sản số 05/KLĐGTS ngày 19/3/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Tuy Đức, kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại Wave, màu xanh bạc đen, biển kiểm soát 47G1-191.27 (đã qua sử dụng) có giá trị tại thời điểm bị mất ngày 10/3/2024 là 8.500.000đ (*Tám triệu năm trăm nghìn đồng*).

Cáo trạng số: 43/CT-VKS-TĐ ngày 03/7/2024, của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức truy tố bị cáo Hoàng Xuân L, về tội: “*Trộm cắp tài sản*” quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự và bị cáo Chăm Ngọc Q, về tội: “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*” quy định tại khoản 1 Điều 323 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như tại Cơ quan điều tra và thừa nhận Cáo trạng của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức truy tố bị cáo Hoàng Xuân L về tội: “*Trộm cắp tài sản*” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự, bị cáo Chăm Ngọc Q, về tội: “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*” quy định tại khoản 1 Điều 323 của Bộ luật Hình sự là đúng, không oan.

Kết quả tranh luận tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo. Sau khi xem xét các chứng cứ buộc tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Hoàng Xuân L phạm tội: “*Trộm cắp tài sản*”. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo từ 09 tháng đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm. Tuyên bố bị cáo Chăm Ngọc Q phạm tội: “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”. Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo từ 06 tháng đến 09 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 18/3/2024.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo Hoàng Xuân L thuộc diện hộ nghèo, còn bị cáo Chăm Ngọc Q không có tài sản gì nên không đề nghị hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Về vật chứng vụ án: Không thu giữ được nên không đề cập giải quyết.

Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra bị cáo Hoàng Xuân L đã tác động gia đình bồi thường cho bị hại số tiền 20.000.000 đồng, bị hại không có yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu gì đối với các bị cáo nên không đề cập giải quyết.

Đối với Điều D hiện đã bỏ trốn khỏi địa phương, Cơ quan CSĐT Công an huyện Tuy Đức đã ra Quyết định truy nã nhưng chưa bắt được nên Cơ quan CSĐT Công an huyện Tuy Đức ra quyết định tách vụ án để tiếp tục điều tra, khi nào bắt được sẽ xử lý sau.

Đối với 01 biển kiểm sát 47G1-191.27. Cơ quan CSĐT Công an huyện Tuy Đức đã tiến hành truy tìm nhưng không tìm thấy nên không đề cập xử lý.

Đối với đối tượng tên Cu A và N2 có hành vi giúp sức và tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có. Quá trình điều tra chưa xác định được nhân thân, lai lịch nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Tuy Đức đã tách ra tiếp tục điều tra làm rõ, khi có căn cứ sẽ xử lý theo quy định của pháp luật.

Đối với 01 xe mô tô biển số 47G1-191.27 của chị Đinh Thị H. Quá trình điều tra xác định Q đã bán cho đối tượng tên Nhân chưa xác định được nhân thân lai lịch và chưa thu giữ được xe nên không đề cập xử lý.

Tại phiên tòa, các bị cáo rất hối hận và không bào chữa gì về hành vi phạm tội của mình, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra Công an huyện Tuy Đức, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan cảnh sát điều tra, phù hợp với tài liệu, chứng cứ được thu thập lưu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa và phù hợp với các tình tiết khách quan của vụ án, thể hiện: Vào khoảng 20 giờ ngày 10/3/2024, tại đoạn đường phía trước quán tạp hóa của gia đình chị Nguyễn Thị N1 thuộc bon Đăk Huýt, xã Quảng Trực, huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông, Hoàng Xuân L và Điều D đã thực hiện hành vi trộm cắp xe mô tô biển số 47G1-191.27 của chị Đinh Thị H, theo kết luận định giá tài sản có giá trị là 8.500.000 đồng. Sau đó, L và D mang xe vào xã Đăk Ngo gặp Cẩm Ngọc Q nói cho Q biết xe mới trộm cắp được và nhờ Q mang xe đi bán cho đối tượng tên N được số tiền 2.500.000 đồng. L đã trả tiền công cho Cẩm Ngọc Q số tiền là 200.000 đồng. Do vậy, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để kết luận bị cáo Hoàng Xuân L phạm tội: “*Trộm cắp tài sản*” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự, còn bị cáo Cẩm Ngọc Q phạm tội: “*Tiêu thụ tài sản*

do người khác phạm tội mà có” quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự và Cáo trạng của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức truy tố bị cáo Hoàng Xuân L về tội: *“Trộm cắp tài sản”* theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự, bị cáo Cẩm Ngọc Q về tội: *“Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”* theo khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự là có căn cứ.

Tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”.

Tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự, quy định:

“1. Người nào không hứa hẹn trước mà chứa chấp, tiêu thụ tài sản biết rõ là do người khác phạm tội mà có, thì bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”.

[3] Xét tính chất, mức độ phạm tội do các bị cáo gây ra là ít nghiêm trọng nhưng hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng đến an ninh trật tự, an toàn xã hội. Các bị cáo có đầy đủ khả năng nhận thức và năng lực chịu trách nhiệm hình sự nhưng do ý thức coi thường pháp luật, bị cáo đã có hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác, còn bị cáo Q đã có hành vi đưa tài sản trộm cắp được đi tiêu thụ, hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Do vậy, các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự do hành vi phạm tội của mình đã gây ra. Bị cáo L là người khởi xướng rủ Điều D thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nhưng hành vi của các bị cáo chỉ là bộc phát, không có sự bàn bạc, thống nhất từ trước. Sau khi trộm cắp được tài sản mới nhờ bị cáo Q tìm chỗ tiêu thụ nên hành vi phạm tội của các bị cáo chỉ là đồng phạm giải đơn.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Riêng bị cáo Hoàng Xuân Lương đã bồi thường toàn bộ thiệt hại cho bị hại và gia đình thuộc diện hộ nghèo nên được hưởng thêm các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Hội đồng xét xử cần xem xét áp dụng để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo để thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật Nhà nước.

[6] Về hình phạt: Từ những phân tích nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy, cần xử phạt các bị cáo mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội do các bị cáo đã gây ra. Bị cáo L là người khởi xướng và trực tiếp lấy trộm tài sản nên bị cáo L phải chịu mức hình phạt cao hơn bị cáo Q là phù hợp. Tuy nhiên, bị cáo Hoàng Xuân L có nhiều tình tiết giảm nhẹ, là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng, có đủ các điều kiện được hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 Bộ luật Hình sự và Điều 2 Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao nên không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội, mà xử hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo, giao bị cáo cho chính quyền địa phương, gia đình quản lý, giáo dục và ấn định thời gian thử thách cho bị cáo cũng đảm bảo được mục đích của hình phạt. Còn đối với bị cáo Q, tuy có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự nhưng tại phiên tòa bị cáo thừa nhận là người nghiện ma túy, bị cáo sống lang thang trên địa bàn xã Đắk Ngo, huyện Tuy Đức, không có nơi cư trú ổn định nên cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định thì mới có tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành công dân tốt, có ích và răn đe phòng ngừa chung trong xã hội.

[7]. Về hình phạt bổ sung: Xét thấy, bị cáo Hoàng Xuân L có hoàn cảnh gia đình khó khăn, thuộc diện hộ nghèo tại địa phương nơi cư trú, còn bị cáo Chăm Ngọc Q không có tài sản gì, không có nơi cư trú ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra bị cáo Hoàng Xuân L đã tác động gia đình bồi thường cho bị hại số tiền 20.000.000 đồng, bị hại không có yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu gì đối với các bị cáo nên không đề cập giải quyết.

[9] Về vật chứng vụ án: Không thu giữ được nên không đề cập giải quyết.

[10] Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức tại phiên tòa là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật cần chấp nhận.

[11] Về án phí: Bị cáo Chăm Ngọc Q phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Bị cáo Hoàng Xuân L thuộc diện hộ nghèo nên được miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[12] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Hoàng Xuân L phạm tội: *“Trộm cắp tài sản”*, bị cáo Chăm Ngọc Q phạm tội: *“Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”*.

1.1. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Hoàng Xuân L **09** (chín) tháng tù nhưng cho

hưởng án treo, thời gian thử thách **01** (một) năm **06** (sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Quảng Trục, huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông và gia đình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

1.2. Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Chăm Ngọc Q **06** (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 18/3/2024.

2. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không có yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu gì đối với các bị cáo nên không đề cập giải quyết.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Chăm Ngọc Q phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo Hoàng Xuân L được miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hay bản án được niêm yết. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án liên quan đến quyền, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hay bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Nông;
- Phòng PV06, PC10 CA tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Tuy Đức;
- CA huyện Tuy Đức;
- Chi Cục THADS huyện Tuy Đức;
- Bị cáo; bị hại; người có QLNVLQ;
- Lưu HSVA, THAHS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký và đóng dấu)

Nông Văn Nhu